

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2022/DS-PT

Ngày: 24/11/2022.

V/v tranh chấp: “Xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Tính.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Thư ký Tòa án - ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Nhã – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Mai Thị Đào Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 208/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 454/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị Mai T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có anh **Nguyễn Thành P**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: A, đường L, phường F, Tp ., tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 23/4/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật là: Bà Lê Thị T1 – Chức vụ: Chi Cục trưởng.

Đại diện theo ủy quyền là: Ông **Nguyễn Hữu P1** – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 23/3/2021) (có mặt).

2/ **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

3/ **Lê Thị C**, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Cùng ngụ địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà C, anh T2 có đại diện theo ủy quyền là anh **Nguyễn Phú Đ**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 08/4/2021).

4/ **Mai Thị Kim U**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

5/ **Nguyễn Mai T3**, sinh ngày 11/5/2010.

Đại diện theo pháp luật của Mai T3 có chị Mai Thị Kim U (mẹ ruột T3) (vắng mặt).

Cùng ngụ địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* Đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

* *Trong đơn khởi kiện 02/3/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/01/2022, bản tường trình ngày 04/01/2022, biên bản hòa giải ngày 19/4/2021, ngày 28/4/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** trình bày:*

Bản án sơ thẩm số 103/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tuyên xử buộc bà Nguyễn Thị Mai T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 252.347.555 đồng. Sau đó, bà H có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (viết tắt là Chi cục T) ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1564/QĐ-CCTHADS ngày 01/7/2020. Tuy nhiên, bà T không tự nguyện thi hành án, mặc dù qua kết quả xác minh của Chi cục T, xác định hộ bà Nguyễn Thị Mai T đang quản lý, sử dụng các tài sản là quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất sau:

+ Thửa đất 1582, diện tích 104m² (sau khi thực hiện tách thửa 1710, diện tích còn lại của thửa 1582 là 77,5m²), loại đất Q, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số 04219QSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Mai T vào ngày 19/8/2004.

+ Thửa đất 1710, diện tích 26,5m², loại đất ONT, tờ bản đồ số 02, theo GCNQSDĐ số H04293, do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Mai T vào ngày 31/12/2004.

Cả hai thửa đất đều tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ban đầu trên cơ sở các tài liệu mà Chi cục THADS thu thập được và cung cấp cho bà, bà biết được bà T có đại diện hộ đứng tên hai thửa đất nói trên. Vào thời điểm cấp đất, bà được biết hộ bà T có 08 nhân khẩu gồm: Bà T, mẹ của bà T là bà Lê Thị N (sinh năm 1943 – mất năm 2019), các anh chị em của bà T là anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị Bé N1, chị Nguyễn Thị Mai T, chị Nguyễn Mai T3, anh Nguyễn Phú Đ và dì của bà T là bà Lê Thị C. Do đó, bà H cho rằng bà T có phần quyền trong hai thửa đất nói trên và đã gửi đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, yêu cầu Tòa án giải quyết: *Xác định phần quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Mai T trong khối tài sản chung là hai thửa đất 1582, 1710*, trong đó bà T có 01 phần quyền. Sau đó, trong quá trình giải quyết vụ án và đến thời điểm hiện tại, căn cứ vào nội dung Công văn số 4054/UBND-TD ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, bà H khẳng định quyền sử dụng 02 thửa đất nói trên Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà T là không đúng, mà là cấp cho cá nhân bà Nguyễn Thị Mai T. Do đó, đến ngày 04/01/2022, bà H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng 02 thửa đất 1582 và thửa 1710 là tài sản thuộc về cá nhân bà Nguyễn Thị Mai T.

** Tại bản tự khai ngày 30/3/2021, ngày 27/5/2021, biên bản hòa giải ngày 19/4/2021, ngày 28/4/2022 và trong quá trình tố tụng, bị đơn **Nguyễn Thị Mai T** và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh **Nguyễn Thành P** trình bày:*

Quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 1582, 1710 là do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Nguyễn Thị Mai T. Thời điểm cấp đất, hộ Mai T có tất cả 08 người như bà H trình bày. Tại bản tự khai ngày 30/3/2021, chị T, anh T2, chị N1, chị T4, chị T5, anh Đ và bà C cùng xác định 02 thửa đất này là tài sản chung của hộ, do chị Nguyễn Thị Mai T đại diện hộ đứng tên trên

GCNQSDĐ, tổng cộng 07 phần. Phần của chị T được nhận thì anh T2, chị N1, chị T4, chị T5, anh Đ và bà C đồng ý chia bằng giá trị theo giá đã định, còn đối với diện tích đất của thửa đất 1582, 1710 thì anh T2, chị N1, chị T4, chị T5, anh Đ và bà C thỏa thuận phân chia sau.

Tại phiên hòa giải ngày 28/4/2022, anh P - đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày: Bà T có 01 phần quyền trong khối tài sản chung là 02 thửa đất nói trên, chiếm tỉ lệ 1/8, vì vào thời điểm cấp đất, trong hộ bà Lê Thị N còn sống. Nay chị T và anh T2, chị N1, chị T4, chị T5, anh Đ, bà C đồng ý hoàn cho bà Hoàng phần giá trị tài sản mà bà T được xác định trong khối tài sản chung là hai thửa đất 1582, 1710. Việc phân chia khối tài sản chung, các thành viên trong hộ không có yêu cầu trong vụ án này.

** Tại văn bản ghi ý kiến ngày 07/5/2021, biên bản hòa giải ngày 19/4/2021, ngày 28/4/2022 và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là anh **Nguyễn Hữu P1** trình bày:*

Liên quan đến việc thi hành bản án số 103/2020/DS-ST ngày 26/5/2020, phía Chi cục THADS huyện C đã thực hiện tất cả các thủ tục theo luật định, nhưng phía bà T không thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Trước đây, căn cứ vào thông tin được thể hiện trên 02 GCNQSDĐ đối với hai thửa đất 1582 và 1710, đều do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Nguyễn Thị Mai T. Chi cục đã tiến hành xác minh hộ của bà T vào thời điểm cấp đất gồm 08 nhân khẩu: Lê Thị N (chủ hộ), Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Bé N1, Nguyễn Thị Mai T, Nguyễn Thị Mai T4, Nguyễn Mai T5, Nguyễn Phú Đ, Lê Thị C. Từ đó giải thích cho bà H các quy định pháp luật để bà H thực hiện các thủ tục bảo vệ quyền lợi cho bà. Tuy nhiên đến nay, Chi cục đã nhận được Công văn số 4054/UBND-TD ngày 23/12/2021 của UBND huyện C. Từ nội dung công văn, Chi cục yêu cầu Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật để giải quyết vụ án, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người được thi hành án như bà H.

** Tại bản tự khai ngày 30/3/2021, ngày 21/4/2022 và biên bản hòa giải ngày 19/4/2021 và trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Văn T2**, bà **Lê Thị C**, đại diện theo ủy quyền của bà C, anh T2 là anh **Nguyễn Phú Đ** có ý kiến trình bày:*

Thửa đất 1582, diện tích 77,5m², loại đất CLN và thửa 1710, diện tích 26,5m², loại đất ONT, cùng thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của hộ do Nguyễn Thị Mai T đại diện đứng tên trên GCNQSDĐ, không phải là tài sản cá nhân của Mai T. Thống nhất xác định tài sản chung này gồm 07 phần của 07 người: Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Bé N1, Nguyễn Thị Mai T, Nguyễn Thị Mai T4, Nguyễn Mai T5, Nguyễn Phú Đ, Lê Thị C. Phần của Mai T được chia, tất cả đồng ý chia bằng giá trị theo giá Tòa án định giá. Phần diện tích hai thửa đất trên, anh T2, chị N1, chị T, chị T4, chị T5, anh Đ, bà C thỏa thuận phân chia sau.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2022, anh T2 trình bày: Thửa đất diện tích 104m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang là do cha mẹ anh mua và làm giấy để cho em gái anh là Nguyễn Thị Mai T đứng tên chủ quyền đất để làm tài sản của gia đình. Đến năm 2008, anh lập gia đình và được cha mẹ cho thửa đất này, để vợ chồng anh có nơi sinh sống, làm ăn. Anh khẳng định thửa đất này là của vợ chồng anh, do cha mẹ cho.

** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – **Mai Thị Kim U**, đồng thời là đại diện theo pháp luật cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mai T3 không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; căn cứ Khoản 4 Điều 68, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 105, Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9 và điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2003; căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Xác định quyền sử dụng đối với hai thửa đất: Thửa 1582, diện tích 77,5m², loại đất Q, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04219QSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/8/2004 và thửa 1710, diện tích 26,5m², loại đất ONT, theo chứng nhận quyền sử dụng đất số H04293, do

UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/12/2004; cả hai cùng thuộc tờ bản đồ số 02, cùng tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, là tài sản riêng của bị đơn Nguyễn Thị Mai T để thi hành án (đính kèm Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 1710, 1582 ngày 29/3/2022).

2/ Chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản):

Buộc bà T phải hoàn lại cho bà H 1.600.000đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án có tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp về “*Xác định quyền sử dụng tài sản để thi hành án*”, quy định tại Khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Điều 105 và Điều 115 Bộ luật Dân sự. . Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành P là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét đại diện do được ủy quyền của các ông bà Nguyễn Văn T2, Lê Thị C và anh Nguyễn Phú Đ, bà Mai Thị Kim U và đại diện do được ủy quyền của cháu Nguyễn Mai T3 là bà Mai Thị Kim U đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ và bà U.

[2] Xét nội dung ông P kháng cáo của bị đơn về việc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 208/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo hướng bác yêu cầu toàn bộ yêu cầu phía nguyên đơn. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đại diện do được ủy quyền của phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ mới để chứng minh rằng tài sản tại thửa 1582, diện tích 77,5m², loại đất Q, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04219QSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/8/2004 và thửa 1710, diện tích 26,5m², loại đất ONT, theo chứng nhận quyền sử dụng đất số H04293, do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/12/2004 để chứng minh các thửa đất đó là cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Mai T.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 35021 thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở các thửa đất đang tranh chấp là giữa hộ ông Nguyễn Văn N2 với cá nhân bà Nguyễn Thị Mai T phần đất thửa số 1582, tờ bản đồ số 02, loại đất Q, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 18/8/2004 (Bút lục số 68,69). Theo công văn số 232/VPĐLĐ ngày 17/5/2021 thì thửa 1582 tách thửa 1710, diện tích là 26,5m² do chuyển mục đích sang đất thổ cư. Công văn số 4054/UBND-TD của UBND huyện C xác định: “Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng số 3504/21CN được UBND xã Đ xác nhận ngày 18/8/2004 thì thửa 1582, tờ bản đồ số 02 loại đất Q do hộ gia đình ông Nguyễn Văn N2 chuyển nhượng cho cá nhân bà Nguyễn Thị Mai T. Do quá trình viết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04219 ngày 19/8/2004 đối với thửa 1582 có sai sót ghi là hộ bà Nguyễn Thị Mai T là sai. Theo hồ sơ chuyển nhượng xác định chuyển nhượng xác định đúng là của cá nhân bà Nguyễn Thị Mai T.

Vì vậy đơn kháng cáo của phía bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Thị Mai T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Mai Trinh. Giữ nguyên bộ bản án sơ thẩm số 208/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Áp dụng Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 105, Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9 và điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2003;

- Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Xác định quyền sử dụng đối với hai thửa đất: Thửa 1582, diện tích 26,5m², loại đất Q, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04219/QSDĐ do

UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/8/2004 và thửa 1710, diện tích 26,5m², loại đất ONT, theo chứng nhận quyền sử dụng đất số H04293, do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/12/2004; cả hai cùng thuộc tờ bản đồ số 02, cùng tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, là tài sản riêng của bị đơn Nguyễn Thị Mai T để thi hành án (đính kèm Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 1710, 1582 ngày 29/3/2022).

2/ Chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản):

Buộc bà T phải trả cho bà H 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mai T chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0020681 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành ngày 30/6/2022 (do ông Nguyễn Thành P đại diện do được ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mai T nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải